

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22/02/2023
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Hải**.

2/ Ông **Ngô Lê Tuấn Kiệt**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cum Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa: Ông **Lưu Minh Cường** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị B**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: NL1A, PĐ, PĐ, CT.

Địa chỉ liên hệ: TTA, TT, TL, CT.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng K**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: NL1A, PĐ, PĐ, CT.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Đỗ Thị B trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Hoàng K qua tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân có Đ ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NA, CTA, CT (cũ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 723/KH/2002, quyền 04 ngày 27/12/2002.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà và ông K đã sống ly thân 18 năm nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng V (nam), sinh năm 1990, Nguyễn Khải H (nam), sinh năm 1997 và Nguyễn Khải Đ (nam), sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn là ông Nguyễn H K trình bày:**

Ông và bà B có chung sống vợ chồng từ năm 1989 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NA, CTA, CT (cũ). Trong thời gian chung sống thì bà B có về nhà cha mẹ ruột sống khoảng 05 năm nay. Hiện nay, bà B có đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông không rõ nguyên nhân muốn ly hôn của bà B.

Về con chung: Ông và bà B có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng V (nam), sinh năm 1990, Nguyễn Khải H (nam), sinh năm 1997 và Nguyễn Khải Đ (nam), sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, bà B vẫn cương quyết ly hôn do hiện nay bà không còn tình cảm với ông K, ông K thường hay bạo lực với bà nên bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống 18 năm nay; con chung đã trưởng thành; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Ông K không đồng ý ly hôn do không rõ lý do; con chung đã trưởng thành; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án hôn nhân giữa bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Hoàng K có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống bà B, ông K phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông K thường hay bạo lực nên bà B có đơn yêu cầu xin ly hôn. Phía ông K không đồng ý ly hôn do không rõ lý do nhưng ông cũng thừa nhận bà B và ông không còn chung sống vợ chồng nhiều năm, mỗi người ở nhà riêng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải tự nguyện từ hai phía, bà B cho rằng không còn tình cảm với ông K, ông K cũng thừa nhận vợ chồng đã không còn chung sống nhiều năm. Xét thấy, mục đích hôn nhân

của bà B và ông K không đạt được, cuộc sống chung thực tế không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà B là có cơ sở xem xét. Về con chung bà B, ông K có ba con chung hiện đã trưởng thành nên không giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thị B có đơn xin ly hôn ông Nguyễn Hoàng K nên đây là vụ án ly hôn được pháp luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Hoàng K đang cư trú tại ấp NL1A, TTPĐ, PĐ, CT nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn H K tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1989, đến năm 2002 ông bà Đ ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NA, CTA, CT (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 723/KH/2002, quyền 04 ngày 27/12/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà B và ông K đã có thời gian chung sống vợ chồng từ năm 1989, trong thời gian chung sống giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn như không có tiếng nói chung, ông K thường bạo lực gia đình nên bà B đã về nhà cha mẹ ruột sống 18 năm. Nay bà B khai nhận là không còn tình cảm với ông K nên bà cương quyết xin ly hôn. Phía ông K cũng thừa nhận từ nhiều năm nay, bà B đã về nhà cha mẹ ruột sống, không còn chăm lo cho ông nhưng ông không đồng ý ly hôn, ông cho rằng cứ giữ như tình trạng hiện nay, bà B ở nhà bà B, ông K ở nhà ông K. Tại phiên tòa hôm nay, bà B vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, phía ông K không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông K cũng không đưa ra phương án đoàn tụ vợ chồng mà cho rằng ông bà vẫn giữ nguyên nếp sống như hiện nay.

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân phải có sự đồng thuận tự nguyện từ hai phía; bà B cương quyết ly hôn, còn ông K không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau mà ai nấy tự lo cho mình, không có tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân của bà B và ông K không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà B là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà B và ông K khai thống nhất ông bà có ba con chung tên Nguyễn H V (nam), sinh năm 1990, Nguyễn Khải H (nam), sinh năm 1997 và

Nguyễn Khải Đ (nam), sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà B và ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Do đó, Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

[5] Về nợ chung: Bà B và ông K đều khai thống nhất, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị B được ly hôn với ông Nguyễn H K.

- *Về con chung:* Đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

- *Về nợ chung:* Không có.

- *Về án phí sơ thẩm:*

Nguyên đơn bà Đỗ Thị B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Chuyển tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007712 ngày 11/01/2023 thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THADS H. Phong Điền;
- UBND xã NA,
H. Phong Điền, TP. Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà